TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 307/2022/HC-PT
Ngày: 29 - 4 - 2022
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 483/2017/TLPT-HC ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc: "Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2017/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 698/2022/QĐPT ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Phạm Điền S, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 2, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Trúc L

Địa chỉ: Số 171 ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt).

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đồng Văn T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H - Phó Chủ tịch Ủy ban

nhân dân tỉnh Hậu Giang. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 02 đường Hòa Bình, phường 5, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trần Thị N, sinh năm 1976

- Phạm Huyền T, sinh năm 1995

- Phạm Thị Yến N, sinh năm 1999

Địa chỉ: Ấp Tầm Vu 2, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nữa, bà Trang, bà Nhi: Bà Phạm Thị Trúc L (Có mặt).

Địa chỉ: Số 171 ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thị Trấn, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Phạm Điền S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2016 và các đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/9/2016, ngày 10/12/2016 và ngày 05/9/2017 cùng các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện ông Phạm Điền S có người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị Trúc L cho rằng: Phần đất do cha ông S là ông Phạm Thành Đ mua của bà Huỳnh Mỹ H năm 1984. Năm 1998 ông Đ đi làm thủ tục cấp giấy, nhà nước công nhận phần đất ông Đ được sử dụng đến giáp quốc lộ 1A. Đến năm 2000 bà L nhận thừa kế quyền sử dụng đất của ông Đ, phần còn lại thì ông Đ cho lại ông S thì bị trừ lộ giới nhưng không có quyết định thu hồi, bồi thường. Biên bản kiểm kê tổng hợp ngày 20/12/2001 thể hiện diện tích ông S được xét đền bù là 119,1m^2. Thời điểm thực hiện dự án ông S không nhận được bất cứ giấy tờ nào liên quan đến đền bù đất trong khi đất bị thu hồi. Căn cứ Điều 9 Luật khiếu nại 2011 thì ông S mới phát hiện nên còn thời hạn khiếu nại. Căn cứ công văn số 950 ngày 22/7/2010 của Tổng cục quản lý đất đai bộ Tài nguyên và Môi trường, công văn 917 ngày 18/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang thì đất ông S là đất hợp pháp và được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đền bù. Quyết định 71 ngày 10/12/2001 và quyết định 3209 ngày 11/10/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ thì phần đất bị trừ 20m hành lang lộ giới được công nhận và được đền bù vì nguồn gốc đất là cha cho con. Đất hành lang lộ giới là hạn chế xây dựng, không phải mất đất, ông S nhận tặng cho từ ông Đ phần đất này đã bị cắt nhưng trên thực tế trong quá trình sử dụng ổn định, không bị tranh chấp và lập biên bản vi phạm.

Từ những căn cứ trên, người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang hủy công văn số 935/UBND-TD ngày 16/6/2016, Công văn số 1607/UBND-TCD ngày 04/10/2016, hủy một phần công văn 1798/UBND-TCD ngày 01/11/2016, Công văn 1965/UBND-TD ngày 22/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang và Quyết định số 1746/QĐ-CT.UB ngày 28/5/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Hậu Giang). Yêu cầu đền bù đất theo luật đất đai 2013 theo giá thị trường tại thời điểm nhận tiền kèm theo lãi suất ngân hàng tính từ khi bàn giao mặt bằng đến khi được nhận tiền. Yêu cầu bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần số tiền 60.000.000 đồng. Xét xử hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang vi phạm Luật đất đai 2013 tại Điều 206 và 207. Xét xử hành vi hành chính không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn T trình bày:

Đối với hành vi không giải quyết khiếu nại của ông Phạm Điền S: Căn cứ Điều 9 và Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011 thì khiếu nại của ông S không đủ điều kiện để thụ lý giải quyết vì đã hết thời hiệu. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi cho ông S, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đã giao cho cơ quan chuyên môn kiểm tra lại, nhưng vụ việc không phát sinh tình tiết mới và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đã có văn bản trả lời số 935/UBND-TD ngày 16/6/2017 cho ông S được biết.

Đối với yêu cầu bồi thường về đất trong dự án khôi phục quốc lộ 1 thì UBND tỉnh Hậu Giang đã thực hiện đúng quy định pháp luật, ông S đã nhận tiền và dự án đã được hoàn thành vào năm 2003. Vì vậy những yêu cầu của người khởi kiện là không có căn cứ để chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện C có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Tấn T trình bày: Trong quá trình thực hiện công vụ trong lĩnh vực quản lý đất đai, UBND huyện C đã thực hiện đúng các quy định của Luật đất đai và các nghị định hướng dẫn, nên yêu cầu của người khởi kiện là không có cơ sở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2017/HCST ngày 15 tháng 9 năm 20217 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:

Áp dụng: Điều 30, 32, Điều 115; Điều 116; Điều 143; Điều 158; Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tố tụng hành chính 2015.

Luật khiếu nại năm 2011;

Nghị định 22/1998/NND-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ;

Quyết định số 71/2001/QĐ-UB ngày 10/12/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Điền S về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang hủy Công văn 1965/UBND-TD ngày 22/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang; Yêu cầu bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần số tiền 60.000.000 đồng; Xét xử hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang vi phạm Luật đất đai 2013 tại Điều 206 và 207 và hành vi hành chính không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Điền S về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang hủy công văn số 935/UBND-TD ngày 16/6/2016; Công văn số 1607/UBND-TCD ngày 04/10/2016; một phần công văn 1798/UBND-TCD ngày 01/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang và yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang phải bồi thường tiền đất cho ông S trong dự án khôi phục Quốc lộ 1, giai đoạn 1 theo luật đất đai 2013.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21/9/2017 người khởi kiện ông Phạm Điền S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện hủy Công văn 1965/UBND-TD ngày 22/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang; Yêu cầu bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần số tiền 60.000.000 đồng; Xét xử hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Người khởi kiện kháng cáo không cung cấp được tài liệu mới chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến tranh luận của các bên đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, hội đồng xét xử áp dụng Điều 225 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Điền S là quan hệ pháp luật Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Điền S về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang hủy công văn số 1965/UBND-TD ngày 22/11/2016 và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang phải bồi thường tiền đất cho ông S trong dự án khôi phục Quốc lộ 1, giai đoạn 1 theo luật đất đai 2013 theo giá thị trường tại thời điểm nhận tiền kèm theo lãi suất ngân hàng tính từ khi bàn giao mặt bằng đến khi được nhận tiền, Hội đồng xét xử xét thấy: Dự án mở rộng Quốc lộ 1 giai đoạn 1, đoạn từ Cần Thơ – Cà Mau được triển khai từ năm 2001 và đã được đưa vào sử dụng từ năm 2003 đến nay. Đối với dự án này ông S không được đền bù tiền đất, chỉ được hỗ trợ tiền san lấp mặt bằng theo Quyết định số 1746/QĐ-CT.UB ngày 28/5/2003 và biên bản đền bù ngày 20/6/2002 thì đất ông S bị ảnh hưởng 119.1m^2 là đất nằm trong hành lang lộ giới và ông S được bồi thường với giá 25.000đồng/m^2, ông S đã nhận tiền nhưng không có khiếu nại gì tại thời điểm nhận tiền và cho đến nay. Qua đó cho thấy ông S đương nhiên đồng ý với việc phần đất bị ảnh hưởng dự án chỉ được hỗ trợ và đồng ý với số tiền hỗ trợ, mặc khác tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thừa nhận phần đất bị ảnh hưởng không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S. Sự việc đã trải qua hơn 10 năm thì ông S lại khiếu nại, cho rằng ông chưa nhận được quyết định thu hồi đất nên thời hiệu khiếu nại vẫn còn. Tuy nhiên, tại đơn khiếu nại ngày 12/3/2015, ông S chỉ yêu cầu được nhận tiền bồi thường đối với phần đất bị ảnh hưởng Dự án mở rộng Quốc lộ 1 giai đoạn 1, căn cứ Điều 9, khoản 6 Điều 11 Luật khiếu nại 2011 thì thời hiệu khiếu nại đã không còn, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông S là đúng quy định pháp luật. Hơn nữa, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính thì thời hiệu để Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xem xét đối với hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang là không bồi thường tiền đất dự án khôi phục Quốc lộ 1, giai đoạn 1 cho ông S cũng không còn.

Việc ông S cho rằng Nhà nước tự ý cắt 20m hành lang lộ giới từ đất ông Phạm Thành Đ tặng cho ông để thực hiện dự án không bồi thường đất, tại thời điểm ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 thì cơ quan chuyên môn có lập hồ sơ thủ tục, đo đạc thì ông S thống nhất ký tên và khi được cấp giấy chứng nhận cũng không khiếu nại gì về việc bị trừ hành lang lộ giới 20m, bà Lcho rằng phần đất ông S bị cắt hành lang lộ giới là đất thổ cư là không đúng. Bởi lẽ diện tích ông Đ được cấp là 300m^2 thổ cư, khi tặng cho ông S và bà Lthì mỗi người được nhận 150m^2 thổ cư, do vậy phần đất bị ảnh hưởng là đất

nằm trong hành lang lộ giới không phải đất thổ cư, nên không thuộc đối tượng được áp dụng theo công văn 3209/UB ngày 11/10/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ. Đối với các chính sách hỗ trợ cho ông S thì Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Hậu Giang) đã thực hiện theo quy định tại Quyết định số 71/2001/QĐ-UB ngày 10/12/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ và Điều 7 Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ, nên yêu cầu bồi thường tiền đất của ông S là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông S đối với hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 12/3/2015 ông S có đơn khiếu nại gởi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang yêu cầu bồi thường đất cho ông trong dự án khôi phục Quốc lộ 1, giai đoạn 1. Tuy nhiên, đã hết thời gian xem xét giải quyết khiếu nại nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang không ban hành văn bản giải quyết khiếu nại của ông S. Ngày 25/01/2016 ông S làm đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đối với hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang. Tuy nhiên trong quá trình Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đang xem xét đơn khởi kiện của ông S thì ngày 16/6/2016 Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đã ban hành văn bản số 935/UBND-TD để trả lời khiếu nại cho ông S. Tính đến ngày 26/7/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông S thì Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đã ban hành văn bản trả lời khiếu nại cho ông S. Xét thấy đối tượng khởi kiện đối với yêu cầu này của ông S đã không còn tại thời điểm Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang thụ lý vụ án nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông S. Tuy nhiên tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện đối với công văn số 935/UBND-TD ngày 16/6/2016 và công văn số 1607/UBND-TCD ngày 04/10/2016, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Điền S đối với yêu cầu hủy hai công văn này.

[2.3] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông S, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang vi phạm Luật đất đai 2013 tại Điều 206 và 207, nhưng ông S không nêu rõ hành vi hành chính nào của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang vi phạm Điều 206 và 207 Luật đất đai 2013 là vi phạm như thế nào nên không có đối tượng cụ thể cho Hội đồng xét xử xem xét. Hơn nữa, dự án khôi phục Quốc lộ 1, giai đoạn 1 đã hoàn thành từ năm 2003 thì những hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Hậu Giang) trong quá trình thực thi công vụ cũng không còn thời hiệu để Hội đồng xét xử xem xét.

[2.4] Đối với yêu cầu hủy một phần công văn 1798/UBND-TCD ngày 01/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử thấy: Công văn số 1798/UBND-TCD ngày 01/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang không phải là quyết định hành chính cá biệt, không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3

và Điều 30 Luật tố tụng hành chính năm 2015, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 143 Luật tố tụng hành chính năm 2015 đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với Công văn số 1798/UBND-TCD của ông S.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm trước đây đại diện người bị kiện có xuất trình văn bản số 7307/BTNMT-TTr ngày 24/12/2020 của Bộ tài nguyên và môi trường có nội dung đề nghị UBND tỉnh Hậu Giang rà soát lại các chế độ hỗ trợ, bồi thường khi nhà nước thu hồi đất đối với các hộ dân trong đó có hộ ông Phạm Điền S. Tòa án cấp phúc thẩm đã tạm đình chỉ vụ án để UBND tỉnh rà soát nhưng đến thời điểm này UBND tỉnh chưa có kết quả rà soát nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ tại thời điểm xét xử phúc thẩm để giải quyết vụ án. Nếu sau này UBND tỉnh Hậu Giang có ban hành thêm các quyết định liên quan đến chính sách đền bù, hỗ trợ thêm thì người khởi kiện có quyền khởi kiện và khiếu nại tiếp các quyết định đó khi có yêu cầu.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quan điểm đại diện Viện kiểm sát cấp cao, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Điền S; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Điều 30, 32, Điều 115; Điều 116; Điều 143; Điều 158; Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tố tụng hành chính 2015.

Luật khiếu nại năm 2011;

Nghị định 22/1998/NND-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ;

Quyết định số 71/2001/QĐ-UB ngày 10/12/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Điền S về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang hủy Công văn 1965/UBND-TD ngày 22/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang; Yêu cầu bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần số tiền 60.000.000 đồng; Xét xử hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang vi phạm Luật đất đai 2013 tại

Điều 206 và 207 và hành vi hành chính không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Điền S về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang hủy công văn số 935/UBND-TD ngày 16/6/2016; Công văn số 1607/UBND-TCD ngày 04/10/2016; một phần công văn 1798/UBND-TCD ngày 01/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang và yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang phải bồi thường tiền đất cho ông S trong dự án khôi phục Quốc lộ 1, giai đoạn 1 theo luật đất đai 2013.

2. Về án phí hành chính:

Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Điền S phải chịu 200.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008900 ngày 25/7/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Điền S phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm hành chính, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0013844 ngày 06/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang
- Đương sự (6)
- Lưu VP (6). HS (17). (MTTT)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Duyên